

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục, dự toán và cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình Nông thôn miền núi, năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 17/12/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: số 2614/QĐ-BKHCN ngày 27/9/2017; số 354/QĐ-BKHCN ngày 23/02/2018; số 1879/QĐ-BKHCN ngày 28/6/2019 về việc phê duyệt kinh phí dự án ủy quyền địa phương quản lý thuộc Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số, giai đoạn 2016-2025; Quyết định số 2247/QĐ-BKHCN ngày 07/8/2020 phê duyệt kinh phí dự án do Trung ương quản lý thuộc Chương trình Nông thôn miền núi, bắt đầu thực hiện từ năm 2020;

Căn cứ Công văn số 3967/BKHCN-KHTC ngày 10/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn nội dung kế hoạch và dự toán ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2020 của các tỉnh, thành phố;

Căn cứ Quyết định số 5318/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa: số 968/QĐ-UBND ngày 20/3/2019; số 5400/QĐ-UBND ngày 20/12/2019; số 1436/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 về việc phê duyệt danh mục và cấp kinh phí thực hiện dự án khoa học và công nghệ thuộc Chương trình Nông thôn miền núi ủy quyền địa phương quản lý;

Theo đề nghị của Liên ngành: Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Tài chính tại Tờ trình số 1756/TTr-SKHCN-STC ngày 23/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục, dự toán và cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) thuộc Chương trình Nông thôn miền núi năm 2020, như sau:

1. Phê duyệt danh mục và dự toán các nhiệm vụ KH&CN mới:

1.1. Số lượng nhiệm vụ KH&CN mới: 04 nhiệm vụ

- Nhiệm vụ KH&CN do Trung ương quản lý: 03 nhiệm vụ;
- Nhiệm vụ KH&CN ủy quyền địa phương quản lý: 01 nhiệm vụ.

(Nội dung chi tiết tại Biểu 1 kèm theo);

1.2. Kinh phí thực hiện: 54.049.423.000 đồng (Năm mươi tư tỷ, không trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng), trong đó:

- Kinh phí SNKH Trung ương: 11.370.000.000 đồng;
- Kinh phí SNKH địa phương: 4.376.998.000 đồng;
- Nguồn huy động hợp pháp khác và nguồn tự có: 38.302.425.000 đồng.

(Có dự toán chi tiết tại các Biểu: 1a, 1b, 1c, 1d kèm theo).

2. Cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình Nông thôn miền núi phân ngân sách nhà nước (sự nghiệp KH&CN Trung ương hỗ trợ) năm 2020.

2.1. Nguyên tắc cấp kinh phí phân ngân sách nhà nước hỗ trợ

- Đối với nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình Nông thôn miền núi do Trung ương quản lý: Trung ương cấp trực tiếp cho các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN;

- Đối với nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình Nông thôn miền núi ủy quyền địa phương quản lý: Thực hiện theo Công văn số 3967/BKH&CN-KHTC ngày 10/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2.2. Cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN phân ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

- Số lượng nhiệm vụ KH&CN được cấp đợt này: 04 nhiệm vụ;
- Tổng kinh phí cấp đợt này: **2.190.000.000 đồng** (Hai tỷ, một trăm chín mươi triệu đồng);
- Nguồn kinh phí: Từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương bổ sung thực hiện một số đề tài, dự án khoa học và công nghệ.

(Nội dung chi tiết tại Biểu 2 kèm theo).

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này:

1. Sở Khoa học và Công nghệ: Quyết định bổ nhiệm chủ nhiệm các nhiệm vụ KH&CN và ký kết hợp đồng nghiên cứu đối với các nhiệm vụ KH&CN mới theo quy định; kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN đảm bảo tiến độ và đúng quy định hiện hành của pháp luật.

2. Sở Tài chính: Thực hiện cấp kinh phí cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN; kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí của tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN.

3. Các tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN: Triển khai, thực hiện nhiệm vụ KH&CN, đảm bảo đúng nội dung, tiến độ đã được phê duyệt; quản lý, sử dụng kinh phí được cấp đúng mục đích, hiệu quả và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức chủ trì các nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt tại Điều 1 và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang;
- PCVP UBND tỉnh Cao Thanh Tùng;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

BIỂU 1: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KH&CN MỚI THUỘC CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MIỀN NÚI, NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

T T	Tên nhiệm vụ KHCN	Đơn vị thực hiện	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)			Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH TW	SNKH ĐP	
I	Dự án KH&CN thuộc chương trình Nông thôn miền núi ủy quyền địa phương quản lý						2.6945,54	2.000	2.001,92	
1.	Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình liên kết trồng, chế biến và tiêu thụ dứa, dưa chuột, cà chua đạt tiêu chuẩn VietGAP tại tỉnh Thanh Hóa.	- Tổ chức chủ trì: Công ty Cổ phần chế biến nông sản Trung Thành - Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ: Viện Nghiên cứu rau quả	Mục tiêu chung: Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng thành công mô hình liên kết trồng, chế biến và tiêu thụ dứa (Ananas comosus), dưa chuột (Cucumis sativus), cà chua (Lycopersicon esculentum Mill) đạt tiêu chuẩn VietGAP, theo chuỗi giá trị, đem lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất. Mục tiêu cụ thể: - Tiếp nhận và ứng dụng thành công các quy trình kỹ thuật: Quy trình kỹ thuật trồng cà chua, dưa chuột và dứa; quy trình công nghệ chế biến dứa đóng hộp; quy trình công nghệ sản xuất dưa chuột	- Xây dựng bản mô tả mô hình liên kết, xây dựng các văn bản làm cơ sở để triển khai mô hình liên kết. - Chuẩn bị các điều kiện để thực hiện mô hình liên kết - Tổ chức triển khai xây dựng mô hình liên kết - Tập huấn kỹ thuật cho người dân. - Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của mô hình - Xây dựng bản hướng dẫn xây dựng mô hình liên kết trồng, chế biến và tiêu thụ dứa, dưa chuột, cà chua đạt tiêu chuẩn VietGAP phù hợp với điều kiện của Thanh Hóa. - Xây dựng phương án nhân rộng mô hình.	<i>Về sản phẩm khoa học:</i> Tiếp nhận và làm chủ các quy trình kỹ thuật: Quy trình kỹ thuật trồng cà chua, dưa chuột và dứa; quy trình công nghệ chế biến dứa đóng hộp; quy trình công nghệ sản xuất dưa chuột dầm dầm đóng lọ; quy trình công nghệ chế biến cà chua nguyên quả tự nhiên đóng lọ. <i>Về sản phẩm cụ thể:</i> - 01 mô hình trồng thương phẩm dứa, dưa chuột, cà chua quy mô 40 ha (dứa 20ha, dưa chuột 10ha; cà chua 10ha) đạt tiêu chuẩn VietGAP. Sản lượng dứa: 1.100 tấn; dưa chuột: 250 tấn; cà chua 250 tấn (có ít nhất 70% sản lượng dứa, dưa chuột và cà chua đạt tiêu chuẩn đưa vào mô hình	30 tháng	2.6945,54	2.000	2.001,92	Dự toán chi tiết tại Biểu 1a kèm theo

T T	Tên nhiệm vụ KHCN	Đơn vị thực hiện	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)			Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH TW	SNKH ĐP	
			dầm dầm đóng lọ; quy trình công nghệ chế biến cà chua nguyên quả tự nhiên đóng lọ. - Xây dựng thành công mô hình liên kết trồng, chế biến và tiêu thụ dưa, dưa chuột, cà chua đạt tiêu chuẩn VietGAP, theo chuỗi giá trị. - Xây dựng được bản hướng dẫn xây dựng mô hình liên kết trồng, chế biến và tiêu thụ dưa, dưa chuột, cà chua đạt tiêu chuẩn VietGAP, theo chuỗi giá trị tại Thanh Hóa. - Đào tạo được 10 cán bộ kỹ thuật và 200 lượt nông dân vùng dự án nắm vững các quy trình kỹ thuật được chuyển giao.	- Tổng kết, nghiệm thu dự án.	chế biến). - 01 mô hình chế biến: dưa đóng hộp quy mô 5000 hộp/ngày, sản lượng 385 tấn; dưa chuột dầm dầm đóng lọ quy mô 10.000 lọ/ngày, sản lượng 175 tấn; cà chua nguyên quả tự nhiên đóng lọ quy mô 10.000 lọ/ngày, sản lượng 175 tấn. - 01 mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm chế biến dưa đóng hộp, dưa chuột dầm dầm đóng lọ và cà chua nguyên quả tự nhiên đóng lọ. - 10 kỹ thuật viên được đào tạo và 200 lượt nông dân được tập huấn nắm vững quy trình kỹ thuật của dự án.					
II	Dự án KH&CN thuộc Chương trình Nông thôn miền núi do Trung ương quản lý						27.103,883	9.370,0	2.375,078	
1.	Dự án: Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô	- Tổ chức chủ trì: Công ty TNHH Hiếu Đạt - Tổ chức hỗ	Về mục tiêu, nội dung, sản phẩm, thời gian thực hiện dự án: theo Quyết định 2247/QĐ-BKHCN ngày 07/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt kinh phí dự án do Trung ương quản lý thuộc Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025" bắt đầu thực hiện từ năm				8.235,515	2.410	899,22	Dự toán chi tiết tại Biểu 1b kèm theo

T T	Tên nhiệm vụ KHCN	Đơn vị thực hiện	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)			Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH TW	SNKH ĐP	
	hình trồng và chế biến Mắc Ca (Macadami) theo chuỗi giá trị tại huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	trợ ứng dụng công nghệ: Viện nghiên cứu Giống và Công nghệ sinh học Lâm nghiệp, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	2020 (đợt 1) và Biên bản họp tổ thẩm định kinh phí dự án ngày 20/7/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Thuyết minh dự án đã được chỉnh sửa theo Biên bản trên, đã được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.							
2.	Dự án: Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất phân bón hữu cơ dạng viên nén từ phụ phẩm chế biến tinh bột sắn và các phụ phẩm nông nghiệp khác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	- Tổ chức chủ trì: Công ty CP phân bón Phúc Thịnh - Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ: Viện Sinh học Nông nghiệp, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Về mục tiêu, nội dung, sản phẩm, thời gian thực hiện dự án: Theo Quyết định 2247/QĐ-BKHCN ngày 07/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt kinh phí dự án do Trung ương quản lý thuộc Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025" bắt đầu thực hiện từ năm 2020 (đợt 1); Biên bản họp tổ thẩm định kinh phí dự án ngày 20/7/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Thuyết minh dự án đã được chỉnh sửa theo Biên bản trên, đã được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.			11.000	4.230	1.162,5	Dự toán chi tiết tại Biểu 1c kèm theo	
3.	Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô	- Tổ chức chủ trì: Công ty TNHH ứng dụng công nghệ sản xuất	Về mục tiêu, nội dung, sản phẩm, thời gian thực hiện dự án: theo Quyết định 2247/QĐ-BKHCN ngày 07/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt kinh phí dự án do Trung ương quản lý thuộc Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025" bắt đầu thực hiện từ năm			7.868,368	2.730	313,358	Dự toán chi tiết tại Biểu 1d kèm theo	

T T	Tên nhiệm vụ KH&CN	Đơn vị thực hiện	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)			Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH TW	SNKH ĐP	
	hình liên kết trồng và tiêu thụ Măng tây xanh (Asparagus Officinalis L.) đạt tiêu chuẩn VietGAP tại tỉnh Thanh Hóa	nông nghiệp Hoàng Vân. - Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ: Trường Đại học nông lâm Thái Nguyên	2020 (đợt 1) và Biên bản họp tổ thẩm định kinh phí dự án ngày 20/7/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Thuyết minh dự án đã được chỉnh sửa theo Biên bản trên, đã được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.							
Cộng (I+II)							54.049,423	11.370,0	4.376,998	

Danh mục ấn định 04 dự án KH&CN./.

Biểu 1a: Dự toán chi tiết dự án: “Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình liên kết trồng, chế biến và tiêu thụ dưa, dưa chuột, cà chua đạt tiêu chuẩn VietGAP tại tỉnh Thanh Hóa”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung chi	Tổng kinh phí	Trong đó			
			Nguồn SNKH Trung ương (Đã được Bộ KH&CN phê duyệt)	Nguồn SNKH địa phương		Nguồn tự có, khác
				Tổng	Trong đó khoản chi	
1	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ	599,35	500,0	99,35	99,35	
2	Đào tạo, tập huấn	160,0	160,0			
3	Nguyên vật liệu năng lượng	12.530,61	820,0	1.054,54		10.656,07
4	Thiết bị máy móc	983,10	270,0	88,0		625,1
5	Xây dựng cơ bản	850,0				850,0
6	Công lao động	11.345,12	150,0	382,68	382,68	10.812,45
7	Chi khác	477,36	100,0	377,36	377,36	
	Tổng	26.945,54	2.000,0	2.001,92	859,39	22.943,62

Ghi chú: Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 1218/KLTĐ ngày 08/9/2020 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa./.

Biểu 1b: Dự toán chi tiết dự án: “Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình trồng và chế biến Mắc Ca (Macadami) theo chuỗi giá trị tại huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung chi	Tổng kinh phí	Trong đó			
			Nguồn SNKH Trung ương (Đã được Bộ KH&CN phê duyệt)	Nguồn SNKH địa phương		Nguồn tự có, khác
				Tổng	Trong đó khoản chi	
1	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ	350	350	0	0	0
2	Đào tạo, tập huấn	210	210	0	0	0
3	Nguyên vật liệu năng lượng	3.456,170	750	431,875	0	2.274,295
4	Thiết bị máy móc	1.192	450	90	0	652
5	Xây dựng cơ bản	0	0	0	0	0
6	Công lao động	2.547,426	300	247,426	247,426	2.000
7	Chi khác	479,919	350	129,919	129,919	0
	Tổng	8.235,515	2.410	899,220	377,345	4.926,295

Ghi chú: Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 1357/KLTĐ ngày 07/10/2020 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa./.

Biểu 1c: Dự toán chi tiết dự án: “Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất phân bón hữu cơ dạng viên nén từ phụ phẩm chế biến tinh bột sắn và các phụ phẩm nông nghiệp khác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung chi	Tổng kinh phí	Trong đó			
			Nguồn SNKH Trung ương (Đã được Bộ KH&CN phê duyệt)	Nguồn SNKH địa phương		Nguồn tự có, khác
				Tổng	Trong đó khoản chi	
1	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ	450	450	0	0	0
2	Đào tạo, tập huấn	240	240	0	0	0
3	Nguyên vật liệu năng lượng	2.620	1.140	0	0	1.480
4	Thiết bị máy móc	5.700	1.700	1.000	0	3.000
5	Xây dựng cơ bản	700	0	0	0	700
6	Công lao động	840	350	112,5	112,5	377,5
7	Chi khác	450	350	50	50	50
	Tổng	11.000	4.230	1.162,5	162,5	5.607,5

Ghi chú: Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 502/KLTĐ ngày 20/4/2020 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa./.

Biểu 1d: Dự toán chi tiết dự án: “Ứng dụng KH&CN xây dựng mô hình liên kết trồng và tiêu thụ Măng tây xanh (Asparagus Officinalis L.) đạt tiêu chuẩn VietGAP tại tỉnh Thanh Hóa”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung chi	Tổng kinh phí	Trong đó			
			Nguồn SNKH Trung ương (Đã được Bộ KH&CN phê duyệt)	Nguồn SNKH địa phương		Nguồn tự có, khác
				Tổng	Trong đó khoản chi	
1	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ	451,878	450	0	0	1,878
2	Đào tạo, tập huấn	210	210	0	0	0
3	Nguyên vật liệu năng lượng	3.922,361	1.370	282,937	0	2.269,424
4	Thiết bị máy móc	0	0	0	0	0
5	Xây dựng cơ bản	1.050	0	0	0	1.050
6	Công lao động	1.853,707	350	0	0	1.503,707
7	Chi khác	380,421	350	30,421	30,421	0
	Tổng	7.868,368	2.730	313,358	30,421	4.825,01

Ghi chú: Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 1356/KLTĐ ngày 07/10/2020 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa./.

**BIỂU 02: CẤP KINH PHÍ CÁC NHIỆM VỤ KH&CN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MIỀN NÚI
ỦY QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ, NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Thời gian thực hiện	Kinh phí									
				Tổng kinh phí	Trong đó		Đã cấp	Trong đó		Cấp đợt này	Trong đó		
					nguồn SNKH TW	nguồn SNKH ĐP		Nguồn SNKH TW	Nguồn SNKH ĐP		Nguồn SNKH TW	Nguồn SNKH ĐP	
	Tổng số										2.190	2.190	0
1	Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình liên kết trồng, chế biến và tiêu thụ dứa, dứa chuột, cà chua đạt tiêu chuẩn VietGAP tại tỉnh Thanh Hóa.	Công ty CP chế biến nông sản Trung Thành	30 tháng	2.6945,54	2.000	2.001,92	0	0	0	1.000	1.000	0	
2	Dự án: Ứng dụng tiến bộ KHKT xây dựng mô hình sản xuất và tiêu thụ cây dược liệu cà gai leo (Solanum Hainanense Hance), cỏ ngọt (Stevia Rebaudiana Bertoni) theo hướng GACP-WHO tại huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Công ty TNHH Thương mại dược liệu Út Phương	4/2018 - 4/2021	7.723,866	1.390	1.407,971	1.757,971	1.200	557,971	190	190	0	
3	Dự án: Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình trồng, chăm sóc, tiêu thụ các loài lan bản địa: lan Đại Châu (Rhynchostylis gigantea), lan Kiều	Công ty Cổ phần Sông Mã	12/2018 - 12/2021	5.366,514	1.100	1.249,058	1.600	1000	600	100	100	0	

	(Dendrobium amabile), lan Thanh Ngọc (Cymbidium sinense) tại Thanh Hóa											
4	Dự án: Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình trồng thâm canh giống cam CS1 theo VietGAP tại huyện miền núi Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.	Ban Chấp hành Tỉnh đoàn Thanh Hóa	6/2018 - 6/2021	5.926,393	1.300	1.610,718	1.040,718	400	640,718	900	900	0

Danh mục ấn định 04 dự án KH&CN./.